

Số: 14^u/QĐ-BQLDA

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 57a/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 30/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận, về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận (Theo biểu số 2 đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- BQL (HS; KT; VT).

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tân

Đơn vị: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông

Biểu số 2:

Chương 599

TT 90/TT-BTC ngày 28/9/2018



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-BQLDA ngày 16 tháng 02 năm 2024
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	DỰ TOÁN THU	
I	Tổng số thu	6.131.345.988
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	60.000.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	6.071.345.988
-	Nguồn trích quản lý dự án	5.569.077.950
-	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	502.268.038
3	Dự án được bổ sung trong năm	-
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	-
5	Nguồn thu hợp pháp khác	-
II	Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	-
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) – (II) = B	6.131.345.988
B	DỰ TOÁN CHI	6.131.345.988
I	Chi thường xuyên	6.131.345.988
1	Tiền lương	2.463.400.000
1.1	Tiền lương ngạch, bậc	2.273.400.000
1.2	Tiền lương làm thêm giờ	190.000.000
2	Tiền công	100.800.000
3	Các khoản phụ cấp lương	101.520.000
4	Các khoản trích nộp theo lương	558.106.200
5	Chi phí thuê chuyên gia	-
6	Chi khen thưởng và phúc lợi tập thể	100.000.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	546.235.600

STT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Chi mua vật tư văn phòng	186.231.200
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	305.120.230
10	Chi hội nghị	64.400.000
11	Chi công tác phí	658.523.100
12	Chi thuê mướn	140.400.000
13	Chi đi công tác nước ngoài	-
14	Chi đoàn vào	-
15	Khấu hao tài sản số định	55.230.132
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	351.379.218
17	Chi phí khác <i>(Trong đó kinh phí tổ chức cơ sở đảng là 24.526.424 đồng)</i>	300.000.308
18	Dự phòng	200.000.000
II	Chi không thường xuyên	-